



CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU XÂY



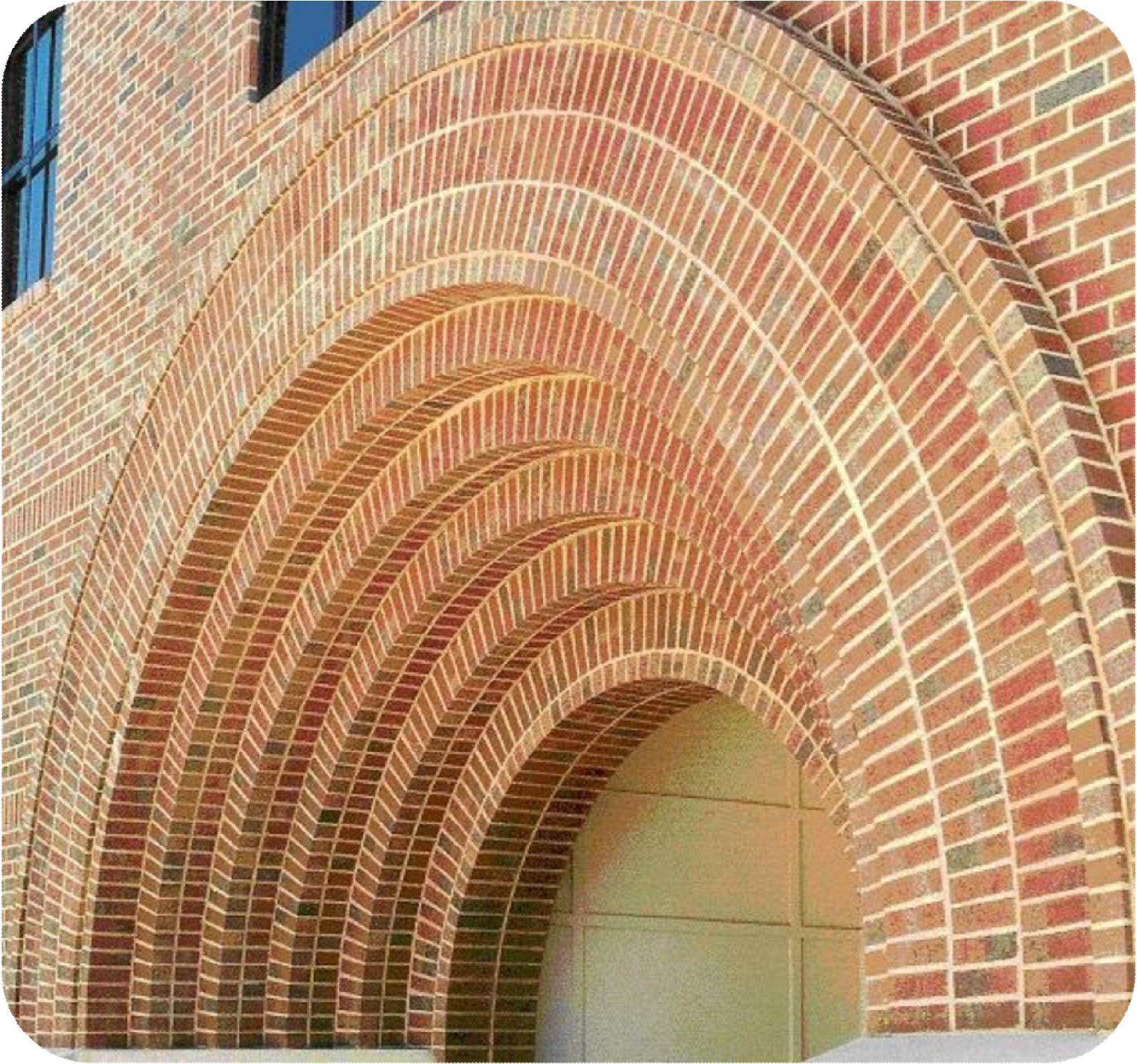
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU XÂY

MỤC LỤC

■ THÔNG TIN CHUNG	03
■ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	07
■ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	25
■ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	29
■ QUẢN TRỊ CÔNG TY	30
■ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	34



1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Cầu Xây**

Mã cổ phiếu: CXC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 056065

Vốn điều lệ: 10.007.190.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 10.007.190.000 đồng

Địa chỉ: Xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Số điện thoại: 04. 358 11 358

Fax: 04. 3581 1706

Website: <http://www.cauxay.com.vn/>

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân Công ty Cổ phần Cầu Xây là một Xí nghiệp thuộc Công ty Gốm Xây Dựng Xuân Hòa – Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng Viglacera.

Ngày 29/04/1998, Xí nghiệp Gạch Cầu Xây được chuyển thành Công ty Cổ phần Cầu Xây theo Quyết định số 197/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng ký và cũng là đơn vị đầu tiên cổ phần hóa của Bộ xây dựng.

Năm 1998, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 4 tỷ đồng.

Năm 1999, Công ty lần đầu đạt sản lượng 15.000.000 viên QTC/năm.

Năm 2003, Công ty đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất mới và một hệ thống lò nung Tuynel số 2 với công suất thiết kế 20.000.000 viên QTC/năm đưa tổng công suất toàn Công ty lên 35.000.000 viên QTC/năm.

Năm 2007, tăng vốn điều lệ từ 4.000.000.000 đồng lên 10.007.190.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

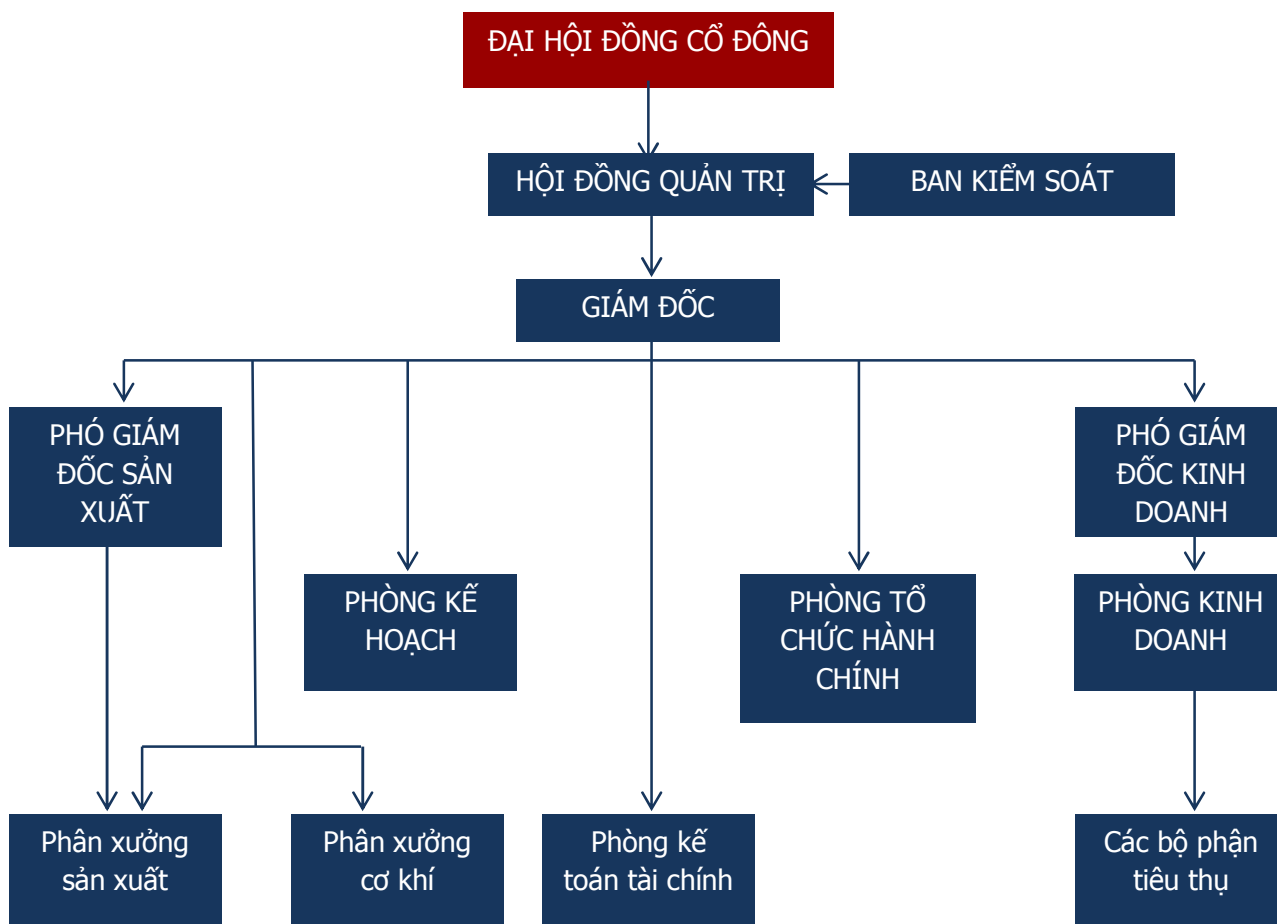
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
- Dịch vụ xây lắp và chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng

Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Nghệ An, Quảng Bình

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



5. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có

6. Các rủi ro

Rủi ro thị trường:

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, lãi suất.

+ *Rủi ro về giá:* Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

+ *Rủi ro về tỷ giá hối đoái:* Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

+ *Rủi ro về lãi suất:* Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh toán của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Các rủi ro khác: Thiên tai, dịch họa, bảo hiểm,...



Lorem ipsum dolor sit
amet consectetur adipiscing
elit sed do eiusmod



Lorem ipsum dolor sit
amet consectetur adipiscing
elit sed do eiusmod



Lorem ipsum dolor sit
amet consectetur adipiscing
elit sed do eiusmod



Lorem ipsum dolor sit
amet consectetur adipiscing
elit sed do eiusmod



Lorem ipsum dolor sit
amet consectetur adipiscing
elit sed do eiusmod



Lorem ipsum dolor sit
amet consectetur adipiscing
elit sed do eiusmod

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

2.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% 2016/2015
Doanh thu thuần	Triệu Đồng	70.000	81.580	16,54%
Giá vốn hàng bán	Triệu Đồng	53.942	58.454	8,36%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu Đồng	9.559	15.433	61,46%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	7.456	12.346	65,60%
Mức cổ tức	%	50%	80%	60%

Năm 2016, với sự ấm lên của ngành bất động sản trong nước, sức tiêu thụ nguyên vật liệu xây dựng tăng cao, công ty đã có một năm hoạt động thành công khi doanh thu thuần tăng 16,54%, lợi nhuận trước thuế tăng 61,46% , lợi nhuận sau thuế tăng 65,60%, mức cổ tức chi trả tăng 60% so với năm 2015. Trong khi đó giá vốn hàng bán chỉ tăng 8,36% so với năm 2015.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2016	TH năm 2016	TH 2016 so với KH 2016
Doanh thu thuần và doanh thu khác	Triệu đồng	66.738	81.671	122,38%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.024	12.346	408,27%
Mức cổ tức	%	-	-	-

Nguồn đem lại doanh thu cho doanh nghiệp chủ yếu từ hoạt động kinh doanh gạch và ngói thành phẩm, sản lượng sản xuất tăng 8% và sản lượng tiêu thụ tăng 2% so với năm 2015.

Doanh nghiệp đã đạt và vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2016 với doanh thu đạt 122,38% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt mức 408,27% kế hoạch năm 2016.

1. Tổ chức và nhân sự

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ban giám đốc công ty gồm giám đốc và các phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ 3 năm. Giám đốc có nhiệm vụ thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

Ban Giám đốc công ty hiện nay gồm 3 thành viên:

1. Ông: Dương Văn Sửu - Chủ tịch HĐQT kiêm GD

Giới tính: Nam	1969 - 1976: Trung sĩ Trung đoàn 206 QK4
Ngày tháng năm sinh: 09/10/1947	1977 - 1997: Công tác tại Nhà máy Gạch Xuân Hòa - Nay là Công ty Cổ phần Viglacera Xuân Hòa
Nơi sinh: Tân Dân . Sóc Sơn. Hà Nội	1998 - 2005: Giám đốc Công ty Cổ phần Cầu Xây
Số CMND: 011726000;	2006 - đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty
Ngày cấp: 10/10/2000; Nơi cấp: CA TP Hà Nội	
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh	
Quê quán: Tân Dân - Sóc Sơn - Hà Nội	Chức vụ hiện tại: Chủ tịch hội đồng quản trị - Giám đốc
Địa chỉ thường trú: Tân Dân - Sóc Sơn - Hà Nội	
Điện thoại liên lạc: (84-4).5811358	Các khoản nợ với Công ty: Không
Trình độ chuyên môn: Trung cấp	Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quá trình công tác:	Lợi ích liên quan công ty: Không
1966 - 1969: Chiến sĩ C3 - D75 mặt trận B5	

2. Ông: Dương Văn Mạnh – Phó GD công ty phụ trách kinh doanh

Giới tính: Nam	Quê quán: Tân Dân - Sóc Sơn - Hà Nội
Ngày tháng năm sinh: 28/06/1981	Địa chỉ thường trú: Tân Dân - Sóc Sơn - Hà Nội
Nơi sinh: Tân Dân . Sóc Sơn. Hà Nội	
Số CMND: 012213060;	Điện thoại liên lạc: (84-4).5811358
Ngày cấp: 9/19/2003; Nơi cấp: CA TP Hà Nội	Trình độ chuyên môn: Đại học
Quốc tịch: Việt Nam	Các khoản nợ với Công ty: Không
Dân tộc: Kinh	Hành vi vi phạm pháp luật: Không
	Lợi ích liên quan công ty: Không

Kế toán trưởng

Bà: Nguyễn Thị Miên – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Giới tính: Nữ	Dân tộc: Kinh
Ngày tháng năm sinh: 14/09/1975	Quê quán: Như Quỳnh – Văn Lâm – Hưng Yên
Nơi sinh: Như Quỳnh – Văn Lâm – Hưng Yên	
Số CMND: 013123484;	Địa chỉ thường trú: Tân Dân – Sóc Sơn – Hà Nội
Ngày cấp: 11/09/2008;	
Nơi cấp: CA Hà Nội	Các khoản nợ với Công ty: Không
Quốc tịch: Việt Nam	Hành vi vi phạm pháp luật: Không
	Lợi ích liên quan công ty: Không

Danh sách Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông; có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Dương Văn Sửu	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên HĐQT
3	Ông Phạm Văn Luyện	Thành viên HĐQT
4	Bà Tạ Thị Minh Phương	Thành viên HĐQT
5	Bà Nguyễn Thị Miên	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

(Nguồn: Công ty cổ phần Cầu Xây)

Thay đổi Giám đốc/Tổng giám đốc điều hành trong năm: Trong năm 2016, Ban điều hành Công ty không có sự thay đổi.

2.3. Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động

- Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2015 là 268 người. Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	21	7.84
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	42	15.67
3	Lao động phổ thông	205	76.49
	Tổng	268	100%

- Chính sách với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động. thực hiện dưới các hình thức sau:

Chế độ làm việc

+ Người lao động trong Công ty đều có Hợp đồng lao động theo đúng Luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

+ Công ty thực hiện chế độ 6 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Người lao động được nghỉ theo đúng quy định của Luật lao động vào các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty. Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên.

Công ty đã ký kết với Trường Đào tạo công nhân và bồi dưỡng cán bộ vật liệu xây dựng của Tổng Công ty Viglacera đào tạo tập trung cho công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực ngày càng tăng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- + Hàng năm Công ty đều tổ chức thi tay nghề cho công nhân, dựa vào kết quả đó, Công ty tiến hành nâng bậc lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng chế độ của Nhà nước.
- + Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên và chăm lo cải thiện tốt điều kiện làm việc của người lao động cũng như nâng cao mức sinh hoạt chung cho toàn Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức ăn ca cho cán bộ công nhân viên tại chỗ để đảm bảo sức khỏe trong ngày làm việc của công nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a. Các khoản đầu tư lớn: Không
- b. Công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

- a. Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% 2016/2015
Tổng giá trị tài sản	Triệu Đồng	33.31	40.277	20,90%
Doanh thu thuần	Triệu Đồng	70.000	81.580	16,54%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu Đồng	9.559	15.342	60,50%
Lợi nhuận khác	Triệu Đồng	-	91	
Lợi nhuận trước thuế	Triệu Đồng	9.559	15.433	61,46%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	7.456	12.346	65,60%
Mức cổ tức	Triệu Đồng	50%	80	60%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2016)

Tổng giá trị tài sản và các chỉ số về lợi nhuận của doanh nghiệp đều tăng mạnh. Doanh thu thuần tăng 16,54% trong khi đó doanh thu tài chính tăng 74,60% và chi phí tài chính giảm 62,71% góp phần cho sự tăng vọt của Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 60,50%, lợi nhuận trước cũng tăng 61,46%, lợi nhuận sau thuế tăng 65,60

2.3. Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động

- Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2015 là 268 người. Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	21	7.84
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	42	15.67
3	Lao động phổ thông	205	76.49
	Tổng	268	100%

- Chính sách với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động. thực hiện dưới các hình thức sau:

Chế độ làm việc

+ Người lao động trong Công ty đều có Hợp đồng lao động theo đúng Luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

+ Công ty thực hiện chế độ 6 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Người lao động được nghỉ theo đúng quy định của Luật lao động vào các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty. Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên.

Công ty đã ký kết với Trường Đào tạo công nhân và bồi dưỡng cán bộ vật liệu xây dựng của Tổng Công ty Viglacera đào tạo tập trung cho công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực ngày càng tăng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

+ Hàng năm Công ty đều tổ chức thi tay nghề cho công nhân, dựa vào kết quả đó, Công ty tiến hành nâng bậc lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng chế độ của Nhà nước.

+ Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên và chăm lo cải thiện tốt điều kiện làm việc của người lao động cũng như nâng cao mức sinh hoạt chung cho toàn Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức ăn ca cho cán bộ công nhân viên tại chỗ để đảm bảo sức khoẻ trong ngày làm việc của công nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a. Các khoản đầu tư lớn: Không
- b. Công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% 2016/2015
Tổng giá trị tài sản	Triệu Đồng	33.31	40.277	20,90%
Doanh thu thuần	Triệu Đồng	70.000	81.580	16,54%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu Đồng	9.559	15.342	60,50%
Lợi nhuận khác	Triệu Đồng	-	91	
Lợi nhuận trước thuế	Triệu Đồng	9.559	15.433	61,46%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	7.456	12.346	65,60%
Mức cổ tức	Triệu Đồng	50%	80	60%

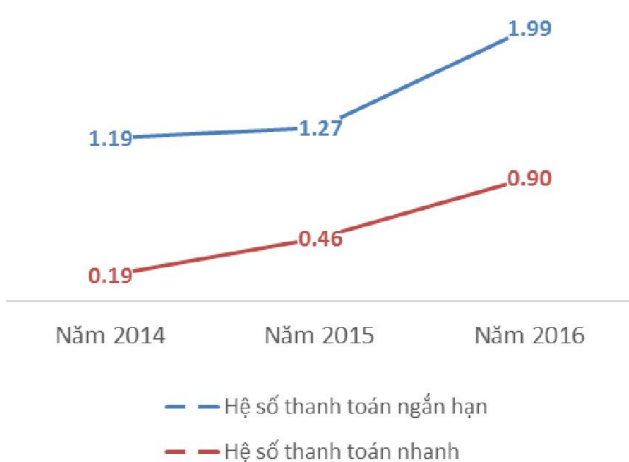
(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2016)

Tổng giá trị tài sản và các chỉ số về lợi nhuận của doanh nghiệp đều tăng mạnh. Doanh thu thuần tăng 16,54% trong khi đó doanh thu tài chính tăng 74,60% và chi phí tài chính giảm 62,71% góp phần cho sự tăng vọt của Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 60,50%, lợi nhuận trước cũng tăng 61,46%, lợi nhuận sau thuế tăng 65,60

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

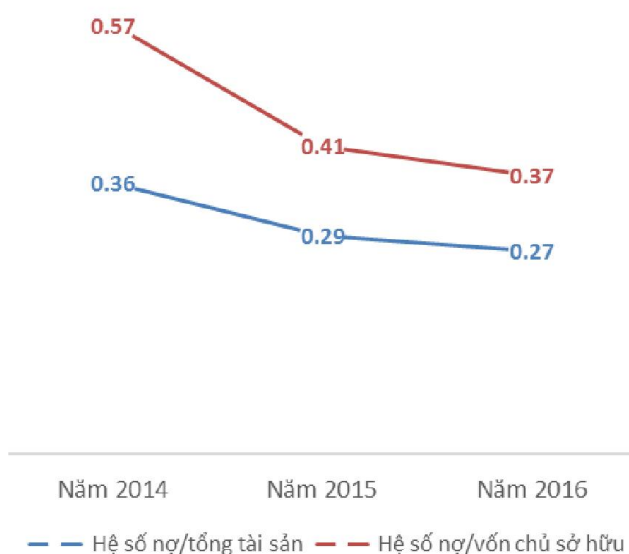
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	lần	1.19	1.27	1,99
- Hệ số thanh toán nhanh (=(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	lần	0.19	0.46	0,90
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	0.36	0.27	0,59
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	0.57	0.37	0,37
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	vòng	3.44	3.20	5,89
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	1.70	2.10	4,42
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	9.88	10.65	9,14%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	26.47	31.47	25,41%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	16.84	22.38	18,51%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	12.63	13.65	11,72%

KHẢ NĂNG THANH TOÁN (LẦN)



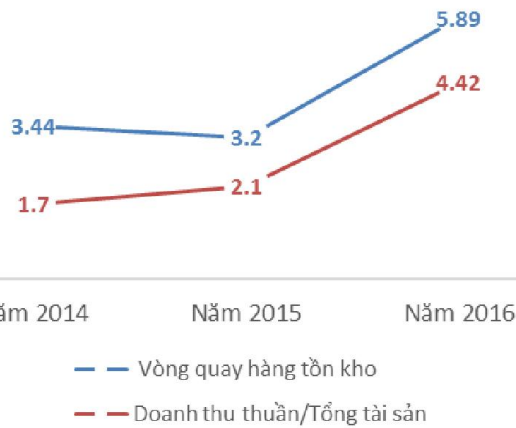
Hệ số khả năng thanh toán của doanh nghiệp đang được cải thiện rõ rệt qua các năm, với hệ số thanh toán nợ ngắn hạn ở mức 1,99 lần doanh nghiệp có hoàn toàn có thể có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của mình, tuy nhiên khả năng thanh toán nhanh cần xem xét để cải thiện tốt hơn.

CƠ CẤU VỐN (LẦN)



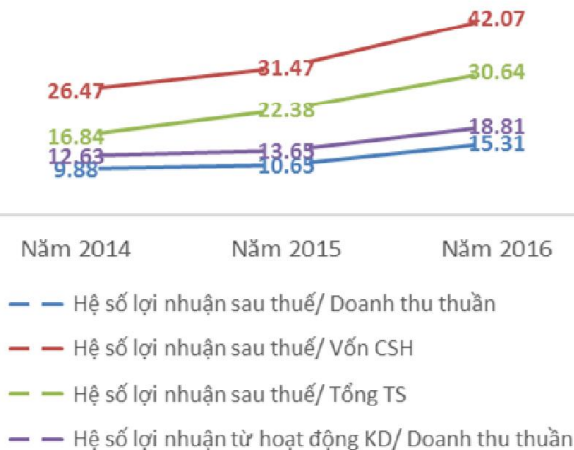
Về cơ cấu vốn, hệ số nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đang giảm qua các năm, tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp đang được ưu tiên tài trợ bằng nguồn vốn của chủ sở hữu.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Chỉ tiêu thể hiện năng lực hoạt động của doanh nghiệp tăng mạnh trong năm 2016 khi vòng quay hàng tồn kho tăng thêm 2,79 lần và tỉ số thể hiện khả năng sinh lời của tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản) cũng tăng mạnh, doanh nghiệp đang kinh doanh tốt và sử dụng tài sản hiệu quả.

KHẢ NĂNG SINH LỜI



Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp năm 2016 tăng nhưng các hệ số về khả năng sinh lời của doanh nghiệp qua đó cũng tăng mạnh. Công ty đang hoạt động hiệu quả, quản lý chi phí tốt



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2016 đạt 6,30% không đạt kế hoạch đề ra từ đầu năm là 6,7%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này vẫn tương đối tốt nếu so với những khó khăn trong năm qua đối với nền kinh tế. Ngành xây dựng, bất động sản năm 2016 có nhiều biến động trên tất cả các phân khúc, thị trường có sự tăng trưởng mạnh đặc biệt là xu hướng về nhà ở nghỉ dưỡng. Với sự tăng trưởng của ngành bất động sản, Công ty đã có một năm hoạt động thành công khi doanh thu tăng trên 16% và lợi nhuận sau thuế tăng hơn 65%.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không

2. Kế hoạch phát triển năm 2017

Dự báo thị trường năm 2017

Thị trường bất động sản năm 2017 được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng của năm 2016, tuy nhiên sẽ có khả năng sẽ giảm nhiệt, đầu cơ suy giảm. Bất động sản sẽ phân hóa mạnh, chỉ một số dự án cục bộ có ưu thế tài chính, sản phẩm mới có thể tiêu thụ thuận lợi. Một số dự án đã triển khai sẽ được hoàn thành trong khi một số dự án chuẩn bị khởi công sẽ có thể bị đình hoãn. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã sửa đổi Thông tư 36 theo hướng siết chặt dòng vốn tín dụng vào bất động sản, nguồn tín dụng từ hệ thống ngân hàng cho thị trường sẽ bị thu hẹp: các ngân hàng thương mại hầu như không còn dư địa về nguồn vốn ngắn hạn theo quy định của ngân hàng nhà nước áp dụng từ T1/2017; áp lực xử lý nợ xấu dự tính vào khoảng 100.000 tỷ đồng nợ xấu, phân khúc nhà ở xã hội và căn hộ giá thấp (trên dưới 1 tỷ đồng) sẽ là tâm điểm phát triển của thị trường trong giai đoạn tới, ngành vật liệu xây dựng qua đó cũng sẽ gặp những thách thức và có những cơ hội mới.

Năm 2017, cũng là năm các doanh nghiệp Vật liệu xây dựng sẽ phải cạnh tranh mạnh mẽ để tìm chỗ đứng vững chắc trên thị trường nội địa và tìm hướng phát triển ra thị trường quốc tế khi Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do trong khu vực và trên thế giới.

Kế hoạch kinh doanh năm 2017

STT	Khoản mục	Kế hoạch năm 2017
1	Nguyên vật liệu	19.834.646.090
	- Đất sét	6.760.022.940
	- Than cám	11.022.742.200
	- Dầu phụ	2.051.880.950
2	Tiền lương	17.472.207.330
3.	BHXH, BHYT, KPCĐ	2.762.320.320
5.	Chi phí chung	17.997.927.703
	Khấu hao TSCĐ	5.225.718.000
	- Khấu hao cơ bản	4.225.718.000
	- SCL TSCĐ	1.000.000.000
	Chi phí điện sản xuất	4.258.818.550
	Chi phí khác	8.513.391.1 53
	Cộng giá thành sản xuất	58.067.101.443
6	Giá vốn hàng bán	58.067.101.443
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.612.780.251
8.	Chi phí tiêu thụ + lưu thông	3.843.082.144
9.	Tổng doanh thu bán hàng	70.499.927.000
10.	Doanh thu hoạt động tài chính	150.000.000
11.	Lãi vay lưu động+Trung hạn (3 tỷ*8%/năm)	241.200.000
12	Tổng chi phí	65.764.163.838
13	Lợi nhuận sau thuế	4.885.763.162
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	977.152.632
15	Lợi nhuận sau thuế	3.980.610.530

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Trong năm 2016, Công ty đã có được sự tăng trưởng nhẹ về doanh thu tăng 16.26% so với năm 2015 và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh đạt mức 65,60%. Điều đó thể hiện những nỗ lực của toàn bộ cán bộ nhân viên của công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đem lại kết quả đáng mong đợi về lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2016, Ban lãnh đạo Công ty cùng với các bộ phận quản lý và toàn thể cán bộ công nhân viên đã có những nỗ lực phấn đấu, đóng góp rất lớn trong việc hoàn thành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Công ty sử dụng, phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, tài chính và lao động của công ty. Thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng góp với nhà nước và chế độ chính sách đối với người lao động.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông; có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Dương Văn Sửu	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc
2	Phạm Văn Luyện	Ủy viên HĐQT
3	Nguyễn Thị Dung	Ủy viên HĐQT
4	Tạ Thị Minh Phương	Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Thị Miên	Ủy viên HĐQT

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Dương Văn Sửu	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc cty	06/06	100%
2	Ông Phạm Văn Luyện	Ủy viên HĐQT	06/06	100%
3	Bà Nguyễn Thị Dung	Ủy viên HĐQT	06/06	100%
4	Bà Tạ Thị Minh Phương	Ủy viên HĐQT	06/06	100%
5	Bà Nguyễn Thị Miên	Ủy viên HĐQT	06/06	100%

b. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/HĐQT -2016	26/01/2016	Nghị Quyết Hội đồng quản trị 26/1/2016
2	Số: 56/BB-ĐHĐCĐ	09/04/2016	Nghị quyết và biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2016

3. Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm gồm có 3 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Hàng năm, Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 3 thành viên với tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp của thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trần Cao Khương	Trưởng Ban kiểm soát	3 300	0,33%
2	Phạm Thị Yên	Ủy viên Ban Kiểm soát	0	0%
3	Lưu Văn Lầu	Ủy viên Ban Kiểm soát	20 928	2,09%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được mời dự.
- Xem xét các báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh giữa năm và khi kết thúc năm do Ban Giám đốc điều hành lập báo cáo.
- Xem xét các báo cáo của các tổ chức tư vấn niêm yết và tổ chức kiểm toán.

- Để hoàn thành tốt nhiệm vụ, Ban Kiểm soát tổ chức các cuộc họp thông qua các nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát trước Đại hội cổ đông thường niên, thông qua kế hoạch triển khai công tác kiểm tra giám sát trong năm, các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi thường xuyên về các hoạt động của công ty và hỗ trợ nhau trong công việc.
- Để tham gia trong công tác quản trị công ty, các đợt kiểm tra, giám sát Ban Kiểm soát đều có kết quả phân tích, đánh giá sơ bộ. Các ý kiến quan trọng của các thành viên Ban Kiểm soát về tình hình quản lý, hoạt động của các đơn vị đều được lập bằng văn bản trực tiếp gửi đến Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty ... Những công việc phát sinh hàng ngày hoặc đột xuất liên quan đến vấn đề còn tồn tại trong quản lý và điều hành, các thành viên Ban Kiểm soát được trao đổi kịp thời với Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty và các phòng ban liên quan.
- Thẩm định báo cáo tài chính công ty.
- Giám sát tình hình hoạt động điều hành, giám sát hoạt động của HĐQT, Giám đốc điều hành.
- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Giám đốc.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát tuân thủ chấp hành luật pháp, tuân thủ Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của Công ty.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

- ✓ Thù lao của HĐQT (được thông qua tại ĐHĐCĐ hàng năm)

Chủ tịch Hội đồng quản trị : 4 triệu đồng/ tháng

Thành viên Hội đồng quản trị: 3 triệu đồng/ tháng

- ✓ Thù lao của thành viên Ban kiểm soát:

Trưởng ban kiểm soát : 3 triệu đồng/ tháng

Thành viên Ban kiểm soát: 2 triệu đồng/ tháng

b. **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Miên	KTT	30680 CP	3.1 %		%	Đầu tư dài hạn
2	Nguyễn Thị Ninh	Vợ Trưởng BKS	30506 CP	3.0 %	38654 CP	3.9 %	Đầu tư dài hạn

c. **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

d. **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Trong năm 2016, tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.



Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	21.812.034.182,00	12.257.202.788,00
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.463.085.081,00	3.371.671.796,00
1. Tiền	2.893.085.081,00	581.671.796,00
2. Các khoản tương đương tiền	4.570.000.000,00	2.790.000.000,00
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		
1. Chứng khoán kinh doanh		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.979.556.992,00	644.639.313,00
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	277.730.679,00	111.541.655,00
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.617.150.000,00	67.155.209,00
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	40.261.303,00	379.348.449,00
6. Phải thu ngắn hạn khác	44.415.010,00	86.594.000,00
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		
IV. Hàng tồn kho	11.991.341.352,00	7.867.945.739,00
1. Hàng tồn kho	11.991.341.352,00	7.867.945.739,00
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		
V. Tài sản ngắn hạn khác	378.050.757,00	372.945.940,00
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	304.401.978,00	372.945.940,00
2. Thuế GTGT được khấu trừ		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	73.648.779,00	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		
5. Tài sản ngắn hạn khác		
I. Các khoản phải thu dài hạn		

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	18.464.932.769,00	21.057.928.752,00
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		
2. Trả trước cho người bán dài hạn		

3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		
4. Phải thu nội bộ dài hạn		
5. Phải thu về cho vay dài hạn		
6. Phải thu dài hạn khác		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		
II. Tài sản cố định	17.508.194.367	20.405.320.973
1. Tài sản cố định hữu hình	17.508.194.367	20.405.320.973
- Nguyên giá	65.362.062.990	66.135.412.700
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(47.853.868.623)	(45.730.091.727)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		
- Nguyên giá		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		
3. Tài sản cố định vô hình		
- Nguyên giá		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		
III. Bất động sản đầu tư		
- Nguyên giá		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		
IV. Tài sản dở dang dài hạn		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
V. Đầu tư tài chính dài hạn		
1. Đầu tư vào công ty con		
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
VI. Tài sản dài hạn khác	956.738.402,00	652.607.779,00
1. Chi phí trả trước dài hạn	956.738.402,00	652.607.779,00
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		
4. Tài sản dài hạn khác		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	40.276.966.951,00	33.315.131.540,00

Bảng báo cáo kết quả kinh doanh

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.580.170.768	70.000.386.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.580.170.768	70.000.386.172
4. Giá vốn hàng bán	58.453.647.583	53.941.641.969
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.126.523.185	16.058.744.203
6. Doanh thu hoạt động tài chính	122.774.730,00	70.316.003,00
7. Chi phí tài chính	53.760.710,00	144.158.256,00
- Trong đó: Chi phí lãi vay	<i>53.760.710</i>	<i>144.158.256</i>
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		
9. Chi phí bán hàng	3.860.814.998,00	3.251.656.959,00
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.992.534.294,00	3.174.701.831,00
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.342.187.913	9.558.543.160
12. Thu nhập khác	90.909.091	-
13. Chi phí khác		
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	90.909.091	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.433.097.004	9.558.543.160
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.086.619.401,00	2.102.879.495,00
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.346.477.603	7.455.663.665
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ		
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	10.209	6.734
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)		

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	90.163.382.446,00	76.942.656.831,00
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(42.625.237.850,00)	(30.758.388.911,00)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(22.189.247.880,00)	(19.405.696.370,00)
4. Tiền lãi vay đã trả	(53.760.710,00)	(111.211.750,00)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.068.641.107,00)	(2.067.956.509,00)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	857.984.400,00	408.816.349,00
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(13.138.031.244,00)	(8.985.721.977,00)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>9.946.448.055</i>	<i>16.022.497.663</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.421.521.136,00)	(5.498.784.240,00)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	90.909.091,00	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(349.306.146,00)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	688.393.291,00	494.576.773,00
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	122.774.730,00	14.666.770,00
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>(868.750.170)</i>	<i>(4.989.540.697)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3. Tiền thu từ đi vay	8.468.254.764,00	19.348.876.536,00
4. Tiền trả nợ gốc vay		

	(8.478.254.764,00)	(23.489.622.161,00)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.976.284.600)	(4.390.125.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(4.986.284.600)	(8.530.870.925)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	4.091.413.285	2.502.086.041
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	<i>3.371.671.796</i>	<i>869.585.755</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	7.463.085.081	3.371.671.796

